

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế góp vốn thành lập doanh nghiệp của Quỹ đầu tư phát triển Ninh Thuận

HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NINH THUẬN

Căn cứ Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 04 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2007 về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Quyết định số 25/2012/QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc thành lập và qui định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Quỹ đầu tư phát triển Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản lý Quỹ đầu tư phát triển Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số 92/2014/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển Ninh Thuận;

Xét đề nghị của Giám đốc Quỹ đầu tư phát triển Ninh Thuận,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế góp vốn thành lập doanh nghiệp của Quỹ đầu tư phát triển Ninh Thuận.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Quỹ đầu tư phát triển Ninh Thuận và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Lưu: VT, TH.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ
CHỦ TỊCH



Đỗ Hữu Nghị

QUY CHẾ

GÓP VỐN THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP

CỦA QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH NINH THUẬN

(Ban hành theo quyết định số 86/QĐ-HĐQL ngày 28/11/2014 của

Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Ninh Thuận)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định về việc góp vốn thành lập doanh nghiệp của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Ninh Thuận (sau đây gọi tắt là Quỹ) với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật để thực hiện các hoạt động đầu tư trực tiếp vào các công trình, dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định 37/2013/NĐ-CP ngày 22/04/2013.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Góp vốn*: là việc dùng vốn điều lệ của Quỹ đưa vào cấu thành vốn điều lệ của một công ty để trở thành chủ sở hữu hoặc các chủ sở hữu chung của công ty. Tài sản góp vốn có thể là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác ghi trong Điều lệ công ty do thành viên góp để tạo thành vốn của công ty.

2. *Phần vốn góp* là tỷ lệ vốn mà chủ sở hữu hoặc chủ sở hữu chung của công ty góp vào vốn điều lệ.

3. *Vốn điều lệ* là số vốn do các thành viên, cổ đông góp hoặc cam kết góp trong một thời hạn nhất định và được ghi vào Điều lệ công ty.

4. *Doanh nghiệp* là tổ chức kinh tế có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch ổn định, được đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật nhằm mục đích thực hiện các hoạt động kinh doanh.

5. *Cổ đông* là người sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của công ty cổ phần.

6. *Cổ đông sáng lập* là cổ đông tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản Điều lệ đầu tiên của công ty cổ phần.

7. *Giá thị trường của phần vốn góp hoặc cổ phần* là giá giao dịch trên thị trường chứng khoán hoặc giá do một tổ chức định giá chuyên nghiệp xác định.

Điều 3. Nguyên tắc góp vốn

Việc góp vốn phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

1. Tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi.
2. Sử dụng vốn góp đúng mục đích, có hiệu quả kinh tế, xã hội.
3. Đảm bảo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ.

Điều 4. Hình thức góp vốn

Quỹ được góp vốn thành lập công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp để thực hiện các hoạt động đầu tư trực tiếp thuộc đối tượng quy định tại điều 1 Quy chế này.

Điều 5. Điều kiện góp vốn

1. Dự án đầu tư yêu cầu gắn với việc góp vốn thành lập doanh nghiệp hoặc góp vốn vào doanh nghiệp khác nhằm thực hiện mục tiêu phát triển kết cấu hạ tầng trên địa bàn tỉnh.
2. Doanh nghiệp thành lập hoạt động theo quy định của Luật doanh nghiệp.
3. Dự án đầu tư thuộc đối tượng đầu tư của Quỹ nằm trong danh mục kế hoạch đầu tư phát triển được UBND tỉnh phê duyệt.
4. Dự án đầu tư phải đảm bảo có tính khả thi về tài chính và có lợi ích kinh tế.
5. Một số trường hợp đặc thù do UBND tỉnh quyết định

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 6. Phương thức góp vốn

Quỹ được sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu của Quỹ để góp vốn thành lập doanh nghiệp hoặc góp vốn vào doanh nghiệp khác.

1. Góp vốn điều lệ:

- a. Quỹ có trách nhiệm thẩm định hiệu quả dự án trước khi quyết định góp vốn.
- b. Vốn góp có thể bằng tiền, tài sản, thương hiệu... được hình thành từ nguồn vốn của Quỹ.
- c. Nếu góp vốn bằng ngoại tệ thì quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá mua của Ngân hàng thương mại được phép hoạt động ngoại hối tại thời điểm góp vốn.
- d. Nếu góp vốn là tài sản bằng máy móc, thiết bị, nguyên liệu hàng hóa, chuyên giao công nghệ, quyền sở hữu trí tuệ, chứng khoán có giá và các tài sản khác thì được xác định theo giá thị trường tại thời điểm góp vốn và có sự chấp thuận của các bên góp vốn.
- đ. Mức vốn góp được thực hiện theo Điều 8 Quy chế này.

2. Mua cổ phần:

a. Việc mua cổ phần phải được đánh giá, thẩm định hiệu quả kinh tế trước khi quyết định mua nhưng phải bảo đảm đúng đối tượng quy định tại Điều 1 Quy chế này.

b. Nếu mua cổ phần bằng ngoại tệ thì quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá mua của Ngân hàng thương mại được phép hoạt động ngoại hối tại thời điểm mua cổ phần.

c. Nếu mua cổ phần bằng tài sản khác thì tài sản đó phải hợp pháp và được xác định theo giá thị trường tại thời điểm mua cổ phần và có sự chấp thuận của bên bán cổ phần.

d. Số lượng cổ phần quyết định mua được quy định tại Điều 9 Quy chế này và theo Điều lệ doanh nghiệp.

Điều 7. Định giá tài sản góp vốn:

1. Tài sản góp vốn của Quỹ không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng bạc, kim khí, đá quý mà là bất động sản, máy móc thiết bị và các tài sản khác... thì phải được các thành viên, cổ đông sáng lập hoặc tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá.

2. Tài sản góp vốn khi thành lập doanh nghiệp phải được các thành viên, cổ đông sáng lập định giá theo nguyên tắc nhất trí; nếu tài sản góp vốn được định giá cao hơn so với giá trị thực tế tại thời điểm góp vốn thì các thành viên, cổ đông sáng lập liên đới chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty bằng số chênh lệch giữa giá trị được định và giá trị thực tế của tài sản góp vốn tại thời điểm kết thúc định giá.

3. Tài sản góp vốn trong quá trình hoạt động do doanh nghiệp và người góp vốn thỏa thuận định giá hoặc do một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Trường hợp tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá thì giá trị tài sản góp vốn phải được người góp vốn và doanh nghiệp chấp thuận; nếu tài sản góp vốn được định giá cao hơn giá trị thực tế tại thời điểm góp vốn thì người góp vốn hoặc tổ chức định giá và người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp cùng liên đới chịu trách nhiệm đối với khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty bằng số chênh lệch giữa giá trị được định và giá trị thực tế của tài sản góp vốn tại thời điểm kết thúc định giá (tổ chức định giá chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật về kết luận định giá của mình).

Điều 8. Thẩm quyền quyết định mức góp vốn

1. Giám đốc Quỹ quyết định mức góp vốn đối với một doanh nghiệp dưới 2% vốn chủ sở hữu của Quỹ;

2. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định mức góp vốn đối với một doanh nghiệp từ 2% đến 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ;

3. UBND tỉnh quyết định mức góp vốn đối với một doanh nghiệp trên 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ.

Điều 9. Giới hạn đầu tư góp vốn

Quỹ thực hiện đầu tư góp vốn tối đa bằng 20% Vốn chủ sở hữu của Quỹ tại thời điểm thực hiện.

Điều 10. Thủ tục góp vốn đầu tư

1. Quyết định mức vốn góp theo Điều 8 Quy chế này.
2. Quyết định cử người đại diện của Quỹ tại doanh nghiệp.
3. Hợp đồng hoặc thoả thuận giữa Quỹ với các thành viên tham gia góp vốn hoặc doanh nghiệp mà Quỹ tham gia góp vốn.
4. Các hồ sơ, thủ tục khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Quản lý phần vốn góp

1. Quỹ thực hiện quyền, nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn thông qua đại diện của Quỹ tại doanh nghiệp mà Quỹ góp vốn theo quy định của pháp luật và điều lệ doanh nghiệp.

2. Quỹ cử người đại diện hoặc giao nhiệm vụ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Quỹ về phần vốn góp. Yêu cầu người đại diện thường xuyên theo dõi tình hình hoạt động, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tổng hợp, đánh giá khả năng tài chính của doanh nghiệp; phát hiện sớm và cùng các thành viên, cổ đông khác tham gia, đề xuất các giải pháp khắc phục kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp nhằm hạn chế đến mức tối đa phát sinh các khoản nợ quá hạn, rủi ro, tổn thất của doanh nghiệp, báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của người đại diện.

3. Xử lý kịp thời giá trị tài sản tổn thất, các khoản nợ không có khả năng thu hồi liên quan đến vốn góp của Quỹ để báo cáo và đề xuất hướng xử lý cho Giám đốc hoặc Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 12. Cử người đại diện phần vốn góp của Quỹ:

1. Việc cử người đại diện phần vốn góp của Quỹ vào doanh nghiệp (gọi tắt là người đại diện) được thực hiện phù hợp với quy mô vốn góp và theo Điều lệ của Quỹ.

2. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định việc cử Giám đốc, Phó Giám đốc Quỹ và cấp tương đương làm đại diện phần vốn góp của Quỹ tại doanh nghiệp.

3. Giám đốc Quỹ quyết định việc cử các chức danh khác đại diện phần vốn góp của Quỹ tại doanh nghiệp và chịu trách nhiệm về quyết định của mình trước Hội đồng quản lý Quỹ và Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Người quyết định cử đại diện phần vốn góp của Quỹ tại doanh nghiệp mà Quỹ góp vốn không được là người có liên quan với người được cử đại diện phần vốn góp của Quỹ tại doanh nghiệp đó.

5. Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc Giám đốc Quỹ cử, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật người đại diện theo quy định tại Điều lệ của Quỹ và pháp luật. Tùy từng trường hợp cụ thể Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc Giám đốc Quỹ quyết định thay thế người đại diện.

Điều 13. Tiêu chuẩn của người đại diện

Người đại diện phải là người bảo đảm các tiêu chuẩn sau:

1. Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam; có đủ năng lực hành vi dân sự; có phẩm chất đạo đức tốt; có sức khỏe đảm đương nhiệm vụ.

2. Hiểu biết pháp luật, có ý thức chấp hành luật pháp.

3. Có trình độ chuyên môn bậc đại học trở lên, có năng lực, kinh nghiệm thực tế từ 03 năm trở lên về quản lý tài chính doanh nghiệp, về kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp phù hợp với yêu cầu của vị trí được ủy quyền làm người đại diện. Trường hợp doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài thì Người đại diện phải có đủ trình độ ngoại ngữ để làm việc trực tiếp với người nước ngoài.

4. Không là vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột với những người là đại diện chủ sở hữu, người trong Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Giám đốc doanh nghiệp có vốn góp vào doanh nghiệp mà người đó được giao trực tiếp quản lý; không có quan hệ góp vốn thành lập doanh nghiệp, cho vay vốn, ký kết hợp đồng mua bán với doanh nghiệp mà người đó được cử trực tiếp quản lý, trừ trường hợp có cổ phần tại doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa.

Người đại diện tham gia ứng cử vào Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Giám đốc của doanh nghiệp phải có đủ tiêu chuẩn và điều kiện tương ứng như thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Giám đốc công ty nhà nước theo quy định của pháp luật.

5. Không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện

1. Quyền và nghĩa vụ đối với doanh nghiệp:

a) Tham gia ứng cử vào bộ máy quản lý, điều hành của doanh nghiệp theo Điều lệ của doanh nghiệp.

b) Tham gia đầy đủ trong các kỳ họp Đại hội cổ đông, thành viên góp vốn theo Quy chế và Điều lệ doanh nghiệp.

c) Tham gia nghiên cứu, đề xuất phương hướng, chiến lược, kế hoạch kinh doanh, huy động vốn, biện pháp hoạt động... theo chức năng, quyền hạn để trình cấp thẩm quyền của doanh nghiệp phê duyệt. Người đại diện có trách nhiệm hướng doanh nghiệp đi đúng mục tiêu, định hướng theo quy định.

d) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo Điều lệ doanh nghiệp, Quy chế này và quy định của pháp luật.

2. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện đối với Quỹ:

a) Theo dõi, giám sát tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp theo quy định của Điều lệ doanh nghiệp.

b) Định kỳ hàng quý và cuối năm tổng hợp chỉ tiêu tài chính, phân tích đánh giá kết quả kinh doanh, tình hình quản lý và sử dụng vốn tại doanh nghiệp, khả năng thanh toán và phân chia lợi tức và các quyền lợi khác, trên cơ sở báo cáo tài chính và các báo cáo khác của doanh nghiệp, báo cáo cho Giám đốc hoặc Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, chậm nhất là 15 ngày sau khi doanh nghiệp gửi báo cáo tài chính (quý, năm) theo quy định hiện hành.

Ngoài các báo cáo định kỳ nêu trên, người đại diện phải báo cáo cho Giám đốc hoặc Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ về tình hình doanh nghiệp trong các trường hợp có những vấn đề lớn phát sinh ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp cần có ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo Quỹ hoặc khi có yêu cầu đột xuất.

c) Quyết định hoặc trình người có thẩm quyền quyết định việc đầu tư tăng vốn hoặc thu hồi vốn đầu tư.

d) Theo dõi việc thu lợi tức được chia của Quỹ từ hoạt động của doanh nghiệp phù hợp pháp luật và điều lệ doanh nghiệp.

đ) Những vấn đề quan trọng của doanh nghiệp đưa ra thảo luận trong Đại hội, các cuộc họp liên quan hoặc đề xuất mang tính chiến lược, người đại diện phải xin ý kiến của Giám đốc hoặc Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ trước khi họp và biểu quyết.

e) Người đại diện phải sử dụng quyền có được một cách cẩn trọng theo đúng chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc Giám đốc Quỹ.

f) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ về các nhiệm vụ được giao. Trường hợp thiếu trách nhiệm, lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn gây thiệt hại cho Quỹ thì phải chịu trách nhiệm và bồi thường vật chất theo quy định của pháp luật.

g) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo Điều lệ doanh nghiệp, Quy chế này và quy định của pháp luật.

Điều 15. Tiền lương, thưởng và quyền lợi của người đại diện

1. Người đại diện phần vốn góp của Quỹ vào doanh nghiệp là thành viên chuyên trách trong Ban quản lý điều hành doanh nghiệp được hưởng lương, phụ cấp trách nhiệm (nếu có), tiền thưởng và các quyền lợi khác theo quy định tại Điều lệ doanh nghiệp và do doanh nghiệp đó chi trả.

2. Người đại diện phần vốn góp của Quỹ vào doanh nghiệp là thành viên kiêm nhiệm không tham gia chuyên trách trong Ban quản lý điều hành doanh nghiệp được hưởng lương, phụ cấp có tính chất lương do Quỹ chi trả; tiền thưởng, phụ cấp người đại diện và các quyền lợi khác theo quy định do doanh nghiệp đó chi trả. Khoản thù lao do công ty, doanh nghiệp khác trả được nộp về Quỹ. Người ra quyết định cử đại diện quyết định chi trả theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo quy chế của Quỹ, nhưng tối đa không vượt quá 50% mức tiền lương thực tế được hưởng tại Quỹ. Phần còn lại (nếu có) được hạch toán vào thu nhập khác của Quỹ.

Điều 16. Thoái vốn đầu tư

1. Quỹ có thể chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn đã góp vào doanh nghiệp và các quyền có được từ phần vốn đã góp để thu hồi vốn. Việc chuyển nhượng thực hiện theo Quy chế góp vốn, Điều lệ của doanh nghiệp mà Quỹ góp vốn và các quy định của pháp luật. Giá chuyển nhượng thực hiện theo giá thị trường tại thời điểm chuyển nhượng. Cấp nào quyết định việc góp vốn thì quyết định việc chuyển nhượng phần vốn góp của Quỹ và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

2. Kế hoạch thoái vốn đầu tư thực hiện dựa trên các nguyên tắc sau:

a) Phần vốn góp của Quỹ tại các doanh nghiệp được thoái một phần hoặc toàn bộ khi dự án đã hoàn thành và chính thức đi vào hoạt động với quan điểm đảm bảo rằng dự án ổn định ở mức tốt nhất trên góc độ tài chính và hoạt động.

b) Lĩnh vực hoạt động của các doanh nghiệp mà Quỹ tham gia góp vốn không còn phù hợp với chiến lược đầu tư của Quỹ trong giai đoạn hiện tại hoặc doanh nghiệp hoạt động kém hiệu quả so với lợi nhuận bình quân ngành.

c) Đảm bảo cân đối nhu cầu vốn đầu tư của Quỹ theo kế hoạch

3. Điều kiện cho việc thoái vốn phải được đặt ra trong Điều lệ của doanh nghiệp và thỏa thuận của các thành viên, cổ đông.

4. Hình thức thoái vốn:

Quỹ có quyền yêu cầu doanh nghiệp mua lại phần vốn góp của Quỹ, nếu doanh nghiệp không có khả năng mua lại thì Quỹ có quyền chuyển nhượng phần vốn góp của mình cho các thành viên, các cổ đông khác và các tổ chức, cá nhân khác không phải là thành viên theo quy định tại điều lệ công ty.

Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của các bên góp vốn

1. Quyền:

a) Chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi nguồn vốn góp của mình.

b) Được cử người tham gia điều hành trực tiếp hoặc gián tiếp công ty, được thông tin thường xuyên và đột xuất về tình hình thực hiện dự án, được quyền yêu cầu cung cấp thông tin và các chứng từ về kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp có liên quan đến quyền lợi của các thành viên, cổ đông góp vốn.

c) Được từ chối mọi yêu cầu của thành viên khác về việc cung cấp thông tin và các nguồn lực khác của bên góp vốn nếu yêu cầu đó trái với quy định của pháp luật và trái với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

d) Được từ chối góp vốn thành lập doanh nghiệp nếu dự án và thành viên khác không đủ điều kiện góp vốn, thành lập doanh nghiệp.

đ) Được thuê các tổ chức, chuyên gia tư vấn để xem xét, thẩm định một phần hoặc toàn bộ dự án để quyết định việc đầu tư.

e) Được quyền chấm dứt đầu tư, thu hồi phần vốn góp khi phát hiện thành viên, cổ đông khác không tuân thủ các nội dung theo hợp đồng hoặc thỏa thuận, đầu tư không đúng mục đích, vi phạm quy định của pháp luật.

f) Được ưu tiên góp vốn khi doanh nghiệp tiến hành tăng vốn.

g) Được chia lợi nhuận từ việc thực hiện dự án đầu tư theo tỷ lệ vốn góp.

h) Khiếu nại, khởi kiện việc vi phạm hợp đồng hoặc các điều khoản đã thỏa thuận đối với thành viên, cổ đông khác hoặc doanh nghiệp mà các bên tham gia góp vốn theo quy định của pháp luật.

i) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ:

a) Góp vốn theo Hợp đồng đã ký kết.

- b) Thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ghi trong hợp đồng góp vốn.
- c) Giám sát việc triển khai thực hiện dự án đảm bảo hiệu quả.
- d) Chấp hành điều lệ của doanh nghiệp góp vốn.
- đ) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Theo dõi đánh giá hoạt động góp vốn

Định kỳ hàng quý, năm, Quỹ căn cứ vào báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo của Ban Kiểm soát, biên bản họp của Hội đồng thành viên, Hội đồng Quản trị doanh nghiệp để đánh giá, phân tích tình hình sử dụng vốn, kết quả kinh doanh của Công ty để xác định lợi nhuận và lập kế hoạch thu lợi nhuận cho Quỹ.

Điều 19. Xử lý rủi ro


Xử lý rủi ro đối với hoạt động của doanh nghiệp Quỹ tham gia góp vốn thực hiện theo Điều lệ, quy chế của doanh nghiệp đó.

Điều 20. Lưu giữ tài liệu

Tùy từng loại hình doanh nghiệp, người đại diện phải lưu giữ tài liệu theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 21. Điều khoản thi hành

Giám đốc Quỹ tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hoặc có điều gì không phù hợp với quy định của pháp luật thì Giám đốc Quỹ đề nghị Hội đồng quản lý xem xét sửa đổi, bổ sung./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ 
CHỦ TỊCH




Đỗ Hữu Nghị